

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/KDTM-PT  
Ngày: 22-01-2018  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng thi công”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

**Các Thẩm phán:** Ông Huỳnh Hiếu

Bà Trần Thị Kim Em

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 392/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**Người đại diện theo pháp luật:** Anh Lê Hồng L, sinh năm 1988; Chức vụ: Giám đốc (có mặt)

**2. Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Địa chỉ: Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**Người đại diện theo pháp luật:** Anh Đinh Quốc T, sinh năm 1976; Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Trần Quốc L, sinh năm 1978 (có mặt);  
Địa chỉ: 821 Kha Vạn C, phường L, quận T, TP Hồ Chí Minh.  
(Theo văn bản ủy quyền ngày 12/01/2018)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đinh Văn T, sinh năm 1942 (vắng mặt);  
Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*4. Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm;*

***Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H (Công ty H) do đại diện theo pháp luật anh Lê Hồng L trình bày:***

Từ ngày 08/11/2011 đến ngày 24/4/2012 Doanh nghiệp tư nhân T nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn T (Công ty T) có ký hợp đồng với Công ty H (là đơn vị thi công) thi công xây dựng công trình với đơn giá khoán gọn theo từng hợp đồng cụ thể như sau:

Hợp đồng số 12/HĐ-XD ngày 08/10/2011-CT thi công ô bao chống lũ, xã M, huyện T; Hợp đồng số 13/HĐ-XD ngày 26/11/2011-CT thi công ô bao chống lũ Kênh A, xã T2, huyện T; Hợp đồng số 14/HĐ-XD ngày 26/11/2011-CT thi công ô bao chống lũ Kênh M, huyện C; Hợp đồng số 01/HĐ-XD ngày 24/02/2012-CT thi công đê bao Ô số 1B, xã M, huyện T.

Khối lượng thực hiện hai bên đã được cán bộ kiểm tra bên A nghiệm thu như sau:

Tổng khối lượng 03 công trình T:  $41.130\text{m}^3 \times 7.500 \text{ đồng/khối}$   
 $= 308.475.000 \text{ đồng}.$

Tổng khối lượng 01 công trình C:  $13.249\text{m}^3 \times 7.500 \text{ đồng/khối} =$   
 $92.743.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng là 401.218.000 đồng. Công ty T đã thanh toán cho Công ty H nhiều đợt tiền tổng cộng là 225.000.000 đồng, còn nợ lại 176.218.000 đồng đến nay không thanh toán.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải trả cho Công ty H số tiền nợ thi công chưa thanh toán là 176.218.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và phải trả lãi theo lãi suất Ngân hàng từ khi phát sinh công nợ đến nay.

***Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T do đại diện theo pháp luật anh Đinh Quốc T trình bày:***

Từ ngày 08/11/2011 đến ngày 24/4/2012 Doanh nghiệp tư nhân T nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn T có ký hợp đồng với Công ty H thi công công trình nạo vét kênh bao gồm:

Hợp đồng số 12/HĐ-XD ngày 08/10/2011-CT thi công ô bao chống lũ, xã M, huyện T; Hợp đồng số 13/HĐ-XD ngày 26/11/2011-CT thi công ô bao chống lũ Kênh A, xã T2, huyện T; Hợp đồng số 14/HĐ-XD ngày 26/11/2011-CT thi công ô bao chống lũ Kênh M, huyện C; Hợp đồng số 01/HĐ-XD ngày 24/02/2012-CT thi công đê bao Ô số 1B, xã M, huyện T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng. Không đồng ý trả theo yêu cầu của Công ty H vì khối lượng không đạt yêu cầu và Công ty T không còn nợ Công ty H.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Văn T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Các điều 112, 113, 147 Luật xây dựng, Điều 280, Điều 290, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T do anh Đinh Quốc T làm đại diện phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H do anh Lê Hồng L là đại diện, số nợ là 248.936.625 đồng (*hai trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm hai mươi lăm đồng*). Thực hiện nghĩa vụ trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/10/2017, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Trần Quốc L trình bày kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T với các nội dung: Công ty T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ cho Công ty H và vì Công ty H cũng đã không hoàn thành khối lượng công trình như theo hợp đồng đã ký kết nên hiện tại không còn nợ Công ty H và

do Công ty H không hoàn thành khối lượng công trình nên đã ký kết với đơn vị thi công khác để tiếp tục hoàn thành công trình. Về thủ tục tố tụng của Tòa cấp sơ thẩm là không đúng vì đã ban hành thông báo thụ lý số 03 ngày 24/9/2015 sau đó Tòa án cấp sơ thẩm lại ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án và ra tiếp thông báo thụ lý vụ án số 10 ngày 18/11/2015 là đã thể hiện thụ lý 2 vụ án để giải quyết như vậy là vi phạm tố tụng. Phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/9/2017 của Tòa cấp sơ thẩm bị đơn Công ty T chưa nhận được các tài liệu chứng cứ nào được công khai tại phiên họp. Do những vi phạm về tố tụng nêu trên bị đơn Công ty T yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T và chuyển hồ sơ về xét xử lại theo thủ tục chung.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn anh Lê Hồng L không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm yêu cầu Công ty T phải trả cho Công ty H số tiền 173.475.000 đồng và tiền lãi tương ứng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm. Về nội dung: ý kiến và yêu cầu của đại diện bị đơn là anh Trần Quốc L không có cơ sở. Xét nội dung bản án sơ thẩm là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo Công ty T, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn H khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H số tiền nợ 173.475.000 đồng theo hợp đồng thi công xây dựng và yêu cầu trả lãi suất phát sinh, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng thi công là phù hợp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Đinh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Đinh Văn T.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn và nguyên đơn đều trình bày thống nhất giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn T và Công ty trách nhiệm hữu hạn H có ký kết các hợp đồng thi công công trình nạo vét kênh, bao gồm: Hợp đồng số 12/HĐ-XD ngày 08/10/2011-CT thi công ô

bao chống lũ xã M, huyện T; Hợp đồng số 13/HĐ-XD ngày 08/10/2011-CT thi công ô bao chống lũ Kênh A, xã T2, huyện T; Hợp đồng số 01/HĐ-XD ngày 24/02/2012-CT thi công đê bao Ô số 1B xã M, huyện T và hợp đồng số 14/HĐ-XD ngày 26/11/2011-CT thi công ô bao chống lũ Kênh M, huyện C. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo cho rằng Công ty H đã không hoàn thành khối lượng của công trình theo hợp đồng đã thỏa thuận nên hiện tại Công ty T không còn nợ Công ty H và do Công ty H không hoàn thành khối lượng công trình nên đã ký kết với đơn vị thi công khác để tiếp tục hoàn thành công trình.

Đại diện theo pháp luật của Công ty H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng Công ty H đã hoàn thành các khối lượng công trình theo các hợp đồng thi công số 12/HĐ-XD ngày 08/10/2011-CT; Hợp đồng số 13/HĐ-XD ngày 08/10/2011-CT; Hợp đồng số 01/HĐ-XD ngày 24/02/2012-CT. Riêng hợp đồng số 14/HĐ-XD ngày 26/11/2011-CT chỉ hoàn thành khoảng 5% khối lượng công trình thì do máy bị hư nên không tiếp tục thi công được nữa. Do đó anh Lợi chỉ yêu cầu buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H giá trị khối lượng công trình đã hoàn thành của 03 hợp đồng (trừ hợp đồng số 14/HĐ-XD ngày 26/11/2011-CT) số tiền 173.475.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ khi phát sinh công nợ đến nay.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở bởi lẽ: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng thừa nhận các bên có ký kết các hợp đồng để thi công công trình nạo vét kênh, ô bao chống lũ và thực tế Công ty Hồng Lộc cũng đã thực hiện việc thi công đúng theo thỏa thuận như trong các hợp đồng đã ký giữa các bên. Trong đó tổng khối lượng các công trình theo 03 hợp đồng mà Công ty H đã thi công là  $41.130\text{m}^3 \times 7.500 \text{ đồng/khối} = 308.475.000 \text{ đồng}$ , được thể hiện qua các biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng ngày 30/3/2012 và ngày 27/9/2012 của Ban quản lý các dự án Đầu tư và Xây dựng huyện T với nhà thầu là Công ty T, đồng thời phần quyết toán của Công ty T (Bút lục 140-149) cũng đã thể hiện, Công ty T đã thanh toán nhiều đợt cho Công ty H tổng cộng là 135.000.000 đồng và hiện tại còn nợ lại 173.475.000 đồng. Xét thấy, thực tế Công ty H có thi công và hoàn thành theo như thỏa thuận trong hợp đồng số 12/HĐ-XD ngày 08/10/2011-CT; Hợp đồng số 13/HĐ-XD ngày 08/10/2011-CT; Hợp đồng số 01/HĐ-XD ngày 24/02/2012-CT, trong khi đó phía công ty T cho rằng công ty H thi công không đạt khối lượng theo yêu cầu, phải thuê mướn đơn vị khác thi công nhưng suốt quá trình tổ tụng lại không có chứng cứ gì chứng minh, phía nguyên đơn không thừa nhận, các hạng mục trên công ty T đã quyết toán xong với chủ đầu tư (Ban quản lý các dự án Đầu tư và Xây dựng huyện T) cho nên việc Công ty H yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 173.475.000 đồng theo số liệu mà công ty T đã quyết toán với chủ đầu tư và yêu

cầu trả lãi chậm trả là phù hợp. Bị đơn cho rằng Công ty H đã không hoàn thành khối lượng các công trình thi công và không còn nợ nguyên đơn nhưng không có chứng cứ gì chứng minh nên không được chấp nhận.

Đối với ý kiến của đại diện bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và đề nghị hủy án thì thấy rằng, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/9/2017 cho ông Đinh Văn T và ông Đinh Quốc T (Bút lục 185, 186), tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn cũng không xuất trình bất cứ chứng cứ nào để chứng minh, do đó ý kiến và đề nghị của đại diện bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 112, 113, 147 Luật xây dựng, Điều 280, Điều 290, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1.** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T do anh Đinh Quốc T làm đại diện phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H do anh Lê Hồng L là đại diện, số nợ

là 248.936.625 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm hai mươi lăm đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn H có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty trách nhiệm hữu hạn T chậm trả tiền thì còn phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu 12.446.831 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, tổng cộng là 14.446.831 đồng. Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 18887 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 14.146.831 đồng án phí.

Hoàn lại Công ty trách nhiệm hữu hạn H số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 4.405.000 đồng theo biên lai thu số 17807 ngày 18/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thái Dũng**